

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 08/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27211342914	Bùi Trường An	01/06/2003	Quảng Trị	31CSC1	6.0	6.3	Đạt	
2	28214954772	Cao Bá An	18/07/2004	Gia Lai	31TYC11	5.3	8.5	Đạt	
3	28212306329	Lương Tuấn Anh	02/05/2004	Bình Phước	31TYC11	8.0	9.3	Đạt	
4	28212353875	Huỳnh Ngô Gia Bảo	24/10/2004	Quảng Nam	31TYC12	5.0	7.8	Đạt	
5	29218144012	Nguyễn Gia Bảo	03/12/2005	Đà Nẵng	31TYC12	7.7	5.0	Đạt	
6	27217243355	Văn Nguyên Bảo	23/04/2000	Quảng Nam	30CBN2	6.3	V	Không Đạt	
7	28218023058	Đỗ Thanh Danh	12/05/2004	Gia Lai	31TYC11	9.7	7.0	Đạt	
8	28206522951	Phạm Thị Mỹ Dung	21/02/2004	Đắk Lắk	31TYC11	7.0	6.3	Đạt	
9	28215150160	Nguyễn Tấn Dũng	20/09/2004	Quảng Ngãi	31TYC12	8.7	8.8	Đạt	
10	28206201279	Tường Thị Ngọc Dương	09/01/2004	Quảng Nam	31TYC12	9.0	9.8	Đạt	
11	28212349392	Mỵ Duy Hà	29/05/2004	Gia Lai	31TYC11	7.0	7.5	Đạt	
12	30205056221	Trần Mai Hân	01/01/2006	Đà Nẵng	31TYC11	9.0	9.5	Đạt	
13	28202701662	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25/07/2004	Bình Định	31TYC12	8.7	8.3	Đạt	
14	28202741273	Nguyễn Thị Thúy Hằng	29/07/2004	Đà Nẵng	31TYC11	V	V	Không Đạt	
15	28218102568	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	16/10/2004	Quảng Nam	31TYC12	8.0	7.3	Đạt	
16	28204647984	Phan Thị Hạnh	11/12/2004	Quảng Nam	31TYC12	7.3	8.8	Đạt	
17	28206702069	Mai Thu Hiền	07/05/2004	Đắk Lắk	31TYC12	5.3	5.3	Đạt	
18	28214640694	Ngô Thế Hiền	10/12/2004	Đà Nẵng	30CBN12	6.0	5.0	Đạt	
19	26215335523	Trần Trung Hiếu	02/01/2002	Đà Nẵng	31TYC11	9.7	9.8	Đạt	
20	28212336054	Đinh Viết Hiệu	04/02/2004	Quảng Nam	31TYC12	7.0	5.0	Đạt	
21	25211604950	Hàn Sỹ Hình	10/12/2001	Quảng Nam	31CBN6	5.7	9.0	Đạt	
22	28206503520	Lê Thị Thanh Hoa	20/10/2004	Quảng Bình	31TYC11	9.0	8.8	Đạt	
23	27204326157	Trần Lê Bích Hoa	25/03/2003	Đà Nẵng	31TYC12	7.3	9.5	Đạt	
24	28212300877	Phạm Văn Chí Hoàng	10/01/2004	Quảng Nam	31TYC11	8.7	8.3	Đạt	
25	28206501142	Đoàn Quỳnh Hương	12/07/2003	Phú Yên	31TYC12	10.0	9.5	Đạt	
26	28208002516	Huỳnh Thu Hương	08/01/2003	Đắk Lắk	31TYC12	9.0	3.3	Không Đạt	
27	28208103958	Lê Ngô Quỳnh Hương	20/04/2004	Huế	31TYC11	8.0	9.8	Đạt	
28	28215201377	Phan Xuân Huy	09/05/2004	Gia Lai	31TYC12	5.3	8.8	Đạt	
29	28214638525	Trần Nguyên Khang	09/06/2004	Đà Nẵng	31TYC12	5.3	5.3	Đạt	
30	28206704416	Dương Thị Mỹ Kiều	21/03/2004	Gia Lai	31TYC12	7.3	6.8	Đạt	
31	25202202956	Huỳnh Thị Đình Kính	06/05/1998	Phú Yên	31TBN11	7.3	7.0	Đạt	
32	28204321624	Ngô Nguyễn Trúc Lam	14/10/2004	Đà Nẵng	31TYC11	6.7	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28204322014	Phan Thị Thu	Liên	02/09/2004	Quảng Ngãi	31TYC11	8.7	7.3	Đạt	
34	28206551507	Nguyễn Thị Phương	Linh	27/01/2004	Phú Yên	31TYC12	10.0	8.8	Đạt	
35	28208001507	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	26/02/2004	Bình Định	31SBN6	4.7	2.8	Không Đạt	
36	28212349908	Hoàng Lê	Minh	22/06/2004	Hồ Chí Minh	31TYC11	6.7	8.5	Đạt	
37	28205106739	Nguyễn Kiều Diễm	My	15/03/2004	Bình Định	31TYC12	7.7	5.3	Đạt	
38	28206500535	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ	22/07/2004	Đắk Lắk	31TYC11	9.3	6.0	Đạt	
39	29207363693	Lê	Na	05/06/2005	Quảng Bình	31TYC11	9.0	10.0	Đạt	
40	28205236715	Nguyễn Thị Tố	Nga	05/07/2004	Quảng Nam	31TYC1	6.0	5.0	Đạt	
41	27215142855	Nguyễn Hữu	Nghĩa	11/06/2003	Quảng Ngãi	31TBN9	8.3	6.8	Đạt	
42	26215339310	Trương Quang Anh	Nghĩa	10/07/2002	Quảng Trị	31TYC11	10.0	9.3	Đạt	
43	29204955744	Lê Thị Phương	Ngọc	08/12/2005	Đà Nẵng	31TYC11	9.3	7.0	Đạt	
44	27202237121	Trần Thị Thanh	Nhàn	23/02/2003	Quảng Trị	31TYC12	9.7	9.5	Đạt	
45	28206238575	Hồ Thị Yến	Nhi	26/06/2004	Đắk Lắk	31THT9	6.3	5.8	Đạt	
46	28208106349	Lê Ngọc Ý	Nhi	15/08/2004	Kon Tum	31TYC11	9.3	8.3	Đạt	
47	28204641497	Trương Thị Xuân	Nhi	01/01/2004	Quảng Nam	31TYC12	9.3	8.8	Đạt	
48	28208053568	Huỳnh Tuyết	Nữ	14/03/2003	Bình Định	31SBN6	5.0	6.8	Đạt	
49	28208004696	Phạm Thị Mai	Phi	27/10/2003	Quảng Ngãi	31TYC12	8.3	7.5	Đạt	
50	28206246675	Phạm Thị	Phuong	24/04/2004	Ninh Bình	31TYC11	7.0	6.0	Đạt	
51	28206750962	Lê Thị Lệ	Quyên	28/12/2004	Gia Lai	31TYC12	4.0	6.5	Không Đạt	
52	28206548765	Đỗ Nguyễn Trúc	Quỳnh	26/12/2004	Quảng Nam	31TYC12	5.0	6.8	Đạt	
53	28204433803	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	22/10/2004	Gia Lai	31TYC12	9.3	8.8	Đạt	
54	28218254388	Nguyễn	Sáng	16/02/2004	Đà Nẵng	31TYC9	10.0	6.5	Đạt	
55	27211334764	Trần Văn	Tài	07/02/2003	Quảng Nam	31SBN2	8.3	5.3	Đạt	
56	28212747755	Nguyễn Trần Nhật	Tân	24/12/2004	Quảng Nam	31TYC11	V	V	Không Đạt	
57	29214650949	Hoàng Đình	Thắng	12/02/2002	Quảng Trị	31THT11	V	V	Không Đạt	
58	28212300348	Nguyễn Tiến	Thắng	03/01/2004	Hưng Yên	31TYC11	7.0	8.8	Đạt	
59	28212348065	Nguyễn Nhật	Thành	22/07/2004	Quảng Bình	31TYC12	5.0	5.5	Đạt	
60	28204605802	Trần Thị Mỹ	Thành	08/08/2004	Quảng Nam	31TYC12	8.7	8.3	Đạt	
61	28204301329	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/10/2004	Quảng Ngãi	31TYC12	10.0	5.8	Đạt	
62	28206841890	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/01/2004	Đà Nẵng	31TYC12	4.3	6.3	Không Đạt	
63	28214101365	Nguyễn Đăng	Thi	16/06/2004	Phú Yên	31TYC11	8.3	9.5	Đạt	
64	28209405118	Nguyễn Anh	Thư	05/01/2004	Kon Tum	31TYC11	9.0	8.0	Đạt	
65	27202141055	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/08/2003	Đà Nẵng	31TYC10	6.7	5.0	Đạt	
66	28204749904	Nguyễn Thị Mai	Thương	26/06/2004	Gia Lai	31TYC12	7.3	9.5	Đạt	
67	28208000084	Trần Thị Thu	Thương	26/08/2004	Đà Nẵng	31TYC12	4.0	6.8	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	26212133814	Nguyễn Hữu Toàn	21/07/2002	Đắk Lắk	29TSC7	7.3	7.5	Đạt	
69	29209023554	Nguyễn Châu Ngọc Trâm	19/08/2005	Bình Định	31TYC11	7.7	9.5	Đạt	
70	29204556045	Bùi Lê Như Trúc	30/10/2005	Gia Lai	31TYC12	8.7	8.0	Đạt	
71	28212306132	Trà Thanh Trung	23/07/2004	Gia Lai	31TYC11	7.3	7.8	Đạt	
72	28212301758	Lê Xuân Trường	06/12/2004	Gia Lai	31TYC11	4.0	5.0	Không Đạt	
73	28212353553	Lê Văn Tuấn	12/01/2004	Quảng Nam	31TYC11	9.0	6.5	Đạt	
74	28205102163	Huỳnh Ái Phương Uyên	12/11/2004	Phú Yên	31TYC11	9.7	8.5	Đạt	
75	28204353465	Nguyễn Phương Uyên	30/09/2004	Thanh Hóa	31TYC12	7.7	6.3	Đạt	
76	27204335991	Tôn Nữ Tú Uyên	19/06/2003	Đắk Lắk	31TYC12	6.7	5.8	Đạt	
77	28208027313	Hoàng Thị Bích Vy	22/01/2004	Đà Nẵng	31TYC12	8.7	7.8	Đạt	
78	28209339287	Nguyễn Thị Hoàng Vy	22/03/2004	Đà Lạt	31TYC11	6.7	7.8	Đạt	
79	28208122368	Từ Thị Mỹ Xoan	27/02/2004	Quảng Trị	31TYC11	8.7	9.5	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh